



I. ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI KHOẢN
REGISTRATION INFORMATION FOR OPEN ACCOUNT AND ACCOUNT RELATED SERVICES

I.1. MỞ TÀI KHOẢN/ ACCOUNT OPENING

Tên tài khoản/ Account name (*)

☐ Tên Tổ chức
Entity name

☐ Tên đơn vị phụ thuộc
Dependent unit name

Nếu Tên tài khoản trùng với Tên tổ chức tại Mục I hoặc Tên đơn vị phụ thuộc tại Mục II tại Đơn đăng ký mở, sử dụng tài khoản và dịch vụ dành cho Tổ chức, có thể tích chọn ô tương ứng và để trống Tên tài khoản./ Please tick the box and leave Account name empty if Account name is identical to Section I or Section II on Application for opening, using accounts and services for entity.

(*)Tên tài khoản **PHẢI BAO GỒM** tên của tổ chức trên Giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập, hoạt động hợp pháp / The account name **SHALL INCLUDE** the name of the organization stated on the establishment license, establishment decision, enterprise registration certificate, or documents proving lawful establishment and operation.

Loại tài khoản
Type of account

☐ Tài khoản thanh toán
Demand deposit account (DDA)

☐ Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp
Direct investment capital account (DICA)

☐ Tài khoản khác (ghi rõ)
Other (specify)

☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other

☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other

☐ VND ☐ USD ☐ Khác/ Other

Mật khẩu tài khoản
Account password

☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

Tần suất nhận hóa đơn
Frequency of receiving invoices:

☐ Nhận hóa đơn theo từng giao dịch
Receive invoices per transaction

I.2. DỊCH VỤ TIN NHẮN/ SMS SERVICE

Phí dịch vụ được thu sẽ căn cứ trên số lượng thuê bao đăng ký
The service fee to be collected shall base on each registered phone no.

Số tài khoản thu phí
Account for fee collection

Tài khoản nhận tin nhắn
Registered account

Số điện thoại tương ứng
SMS cell phone no

Ngôn ngữ
Language

Từ chối nhận tin nhắn
SMS rejected time

☐ Tiếng Việt/ Vietnamese

☐ Tiếng Anh/ English

Từ/ From

Đến/ To

Tôi đồng ý nhận các thông tin tài chính khác và các thông tin quảng cáo của Ngân hàng (Miễn phí)
Agree to receive other financial information and advertising information of the Bank (Free of charge)

☐ Đồng ý/ Yes ☐ Từ chối/ No

I.3. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN/ INTERNET BANKING SERVICE

Đăng ký gói dịch vụ/ Register Service package

☐ Tra cứu/ Inquiry ☐ Tra cứu và Giao dịch/ Inquiry & Transaction

Đăng ký loại hình truy cập/ Register type of User ID

☐ Truy cập đơn cấp/ Single-level User: Chỉ đăng ký một người sử dụng/ Register 1 user only (**)
(**) Áp dụng trong trường hợp (i) đăng ký gói dịch vụ Tra cứu; hoặc, (ii) Tổ chức là Hộ kinh doanh hoặc Doanh nghiệp siêu nhỏ áp dụng chế độ kế toán đơn giản/ Applying for (i) Inquiry only; or, (ii) Organization is Business households/ Micro enterprises applying simple accounting regime.

☐ Truy cập đa cấp/ Multi-level User: Đăng ký tối đa 20 người sử dụng, trong đó ít nhất 01 người quản trị (có chức năng phê duyệt) và 01 người nhập liệu/ Maximum 20 users with at least 1 Admin use (with approve authorize) and 1 Entry user

Hạn mức chuyển khoản
Transfer limit

Hạn mức mỗi giao dịch (VND)
Transaction limit (VND)

Hạn mức ngày (VND)
Daily limit (VND)

Tài khoản trích tiền/ Register Debit Account

Các tài khoản đồng chủ sở hữu (cùng ký) không được đăng ký là tài khoản trích tiền
Joint accounts (Jointly sign) are not allowed to register as debit account

II. THÔNG TIN VỀ MẪU DẤU/ SPECIMEN STAMP

- ☒ Tổ chức mở tài khoản cho chính mình, vui lòng đóng mẫu dấu của tổ chức vào ô bên cạnh (nếu có)/ Legal entity opens account for yourselves, stamp the entity's specimen stamp beside (if any).
- ☒ Tổ chức mở tài khoản cho đơn vị phụ thuộc, sử dụng mẫu dấu sau cho các giao dịch/dịch vụ liên quan đến tài khoản mang tên đơn vị phụ thuộc./ Legal entity opens account for your dependent unit, use the below stamp for the transactions/services related to the account named dependent unit
- ☐ Dấu của đơn vị phụ thuộc
Stamp of dependent unit

☐ Dấu của tổ chức mở tài khoản
Stamp of legal entity opening account

III. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP,
KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
REGISTRATION INFORMATION AND SIGNATURE FOR LAWFUL REPRESENTATIVE,
CHIEF ACCOUNTANT/PERSON IN CHARGE OF CHIEF ACCOUNTANT



B-0101-003
0002 01/01

III.1. NHÓM A: NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP/ GROUP A: LAWFUL REPRESENTATIVE

☐ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

☐ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN
AUTHORIZED REPRESENTATIVE

Lưu ý: Trường hợp Người đại diện hợp pháp là Người đại diện theo ủy quyền, vui lòng khai báo thêm thông tin của Người đại diện theo pháp luật tại Mục I.1- Phụ lục 06. / In case Lawful Representative is the Authorized Representative, please declare information of Legal Representative in Section I.1- Appendix 06.

Họ tên Ngày sinh Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú
Full name Date of birth Resident status ☐ Resident ☐ Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others*

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp Ngày hết hạn Nơi cấp
Issued date Expired date Issued place

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có) Cơ quan cấp thị thực
Visa/Resident card no. (if any) Agency issuing visa for immigration

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú Số điện thoại Địa chỉ email
Expired Date of Visa/Resident Card Phone no. Email address

Quốc tịch Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Nationality Additional nationalities information and residence address

Mã số thuế cá nhân Nghề nghiệp Chức vụ Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%)
Individual tax code Occupation Position Effective ownership percentage

Địa chỉ cư trú
Resident address

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner)

Thông tin đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến/ Register information for Internet Banking service

Tên người dùng/ User name Cấp độ truy cập ☐ Nhập liệu ☐ Phê duyệt ☐ Quản trị
User level ☐ Entry ☐ Confirm ☐ Admin

Lưu ý: Tên người dùng 6-20 ký tự chữ và số
Note: User ID: 6-20 alphanumeric digits in length.

Thiết bị bảo mật ☐ Online A-OTP ☐ OTP Token ☐ A-OTP Token
Security device ☐ Online A-OTP ☐ Mã số/ Seri No. Mã số/ Seri No.

Tôi xác nhận đã nhận thiết bị bảo mật trong tình trạng nguyên niêm phong/
I confirm receive security device with seal

Họ tên và Chữ ký/
Full name & Signature

Chữ ký mẫu thứ nhất/ The first specimen signature

Chữ ký mẫu thứ hai/ The second specimen signature

III.2. NHÓM B: KẾ TOÁN TRƯỞNG/ NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
GROUP B: CHIEF ACCOUNTANT/PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING



B-0101-003
0002 01/01

- ☐ Kế toán trưởng/ Chief accountant ☐ Người phụ trách kế toán/ Person in charge of accounting
☐ Thuê dịch vụ làm Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán/ Use service as Chief accountant/Person in charge of accounting

Trường hợp không đăng ký Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán, vui lòng tích chọn một trong hai ô sau đây:

In case of not registering Chief accountant/Person in charge of accounting, please tick one of the following two boxes:

- ☐ Chúng tôi là _____ không thuộc đối tượng bắt buộc phải bố trí Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán.
We are _____ in Optional Type for registration of Chief Accountant/Person in charge of accounting.
☐ Chúng tôi là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài, không thuộc đối tượng đăng ký Kế toán trưởng/Người phụ trách Kế toán./
We are an offshore Legal entity, in non-applicable subjects for registration of Chief Accountant/Person in charge of accounting.

Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán/ Chief accountant/Person in charge of accounting

- ☐ Đồng thời là người được ủy quyền nhận tiền mặt/nộp-nhận chứng từ/ At the same time, is the authorized person to receive cash/receive-submit document.

Họ tên _____ Ngày sinh _____ Tình trạng cư trú ☐ Cư trú ☐ Không cư trú
Full name _____ Date of birth _____ Resident status Resident Non-resident

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu/Giấy tờ khác/ Personal identification no./Passport/Others* _____

(*) Đối với công dân Việt Nam: Chỉ chấp nhận số định danh cá nhân/ Vietnamese citizen: Accept for Personal Identification No. only.
Đối với cá nhân là người nước ngoài: (i) Người cư trú: Sử dụng Hộ chiếu; (ii) Người không cư trú: Sử dụng Hộ chiếu hoặc Giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp/ For foreign individuals: (i) Resident individuals: Only Passports; (ii) Non-resident individuals: Passports or other identification documents issued by competent foreign authorities

Ngày cấp _____ Ngày hết hạn _____ Nơi cấp _____
Issued date _____ Expired date _____ Issued place _____

Số thị thực/Thẻ cư trú (nếu có) _____ Cơ quan cấp thị thực _____
Visa/Resident card no. (if any) _____ Agency issuing visa for immigration _____

Ngày hết hạn Thị thực/Thẻ cư trú _____ Số điện thoại _____ Địa chỉ email _____
Expired Date of Visa/Resident Card _____ Phone no. _____ Email address _____

Quốc tịch _____ Thông tin và địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch thứ 02 trở đi
Nationality _____ Additional nationalities information and residence address _____

Mã số thuế cá nhân _____ Nghề nghiệp _____ Chức vụ _____ Tỷ lệ sở hữu có hiệu lực (%) _____
Individual tax code _____ Occupation _____ Position _____ Effective ownership percentage _____

Địa chỉ cư trú _____
Resident address _____

Địa chỉ thường trú (nếu là người Việt Nam) hoặc địa chỉ cư trú ở nước ngoài (nếu là người nước ngoài)
Permanent address (if Vietnamese) or overseas registered residential address (if foreigner) _____

Thông tin đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến/ Register information for Internet Banking service

Tên người dùng/ User name _____ Cấp độ truy cập ☐ Nhập liệu ☐ Phê duyệt ☐ Quản trị
User level Entry Confirm Admin

Lưu ý: Tên người dùng 6-20 ký tự chữ và số/ Note: User ID: 6-20 alphanumeric digits in length.

Thiết bị bảo mật ☐ Online A-OTP ☐ OTP Token ☐ A-OTP Token
Security device _____ Mã số/ Seri No. _____ Mã số/ Seri No. _____

Tôi xác nhận đã nhận thiết bị bảo mật trong tình trạng nguyên niêm phong/
I confirm receive security device with seal _____
Họ tên và Chữ ký/
Full name & Signature

Chữ ký mẫu thứ nhất/ The first specimen signature _____
Chữ ký mẫu thứ hai/ The second specimen signature _____

CÁC CHỈ DẪN ĐẶC BIỆT/ SPECIAL INSTRUCTIONS

- ☐ Có (Vui lòng ghi rõ tại bên dưới)/ Yes (Please specify) ☐ Không (Vui lòng gạch bỏ ô bên dưới)/ No (Please cross out the box below)